TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **455**/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận Hai Bà Trưng, ngày 13 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 416/2023/ TLST-HNGĐ ngày 03/7/2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa:

Người yêu cầu: Anh **B.M.V**, sinh năm 19... Nơi thường trú: Số .., ngõ …, phố T, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Người yêu cầu: Chị **N.T.P**, sinh năm 19... Nơi thường trú: Thôn P, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/7/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/7/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh B.M.V và chị N.T.P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

- Anh B.M.V và chị N.T.P xác nhận có 02 con chung là cháu B.H.L, sinh ngày 10/3/20… và cháu B.M.P1, sinh ngày 22/11/20...

- Anh B.M.V và chị N.T.P thỏa thuận giao cháu B.H.L cho anh B.M.V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu B.M.P1 cho chị N.T.P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Anh B.M.V, chị N.T.P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Chị N.T.P đang mang thai tháng thứ 7, trường hợp sau khi chị P sinh con, các bên có tranh chấp về việc xác định cha cho con, thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc dân sự khác.

2.2. Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh B.M.V và chị N.T.P xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh B.M.V, chị N.T.P không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về lệ phí Tòa án: Anh B.M.V, chị N.T.P mỗi người phải chịu 50% lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh V tự nguyện chịu thay nghĩa vụ chịu lệ phí của chị P. Anh V phải chịu 300.000 đồng lệ phí, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai thu số 0013677 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND xã H;
  (GCNKH số …, ngày 31/01/20...)
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam